

Số: 32 /2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 30 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước
để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục

tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 9 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, NNPTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Phú Yên, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện
các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí, định mức, mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Các công trình thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu có quyết định riêng như: công trình cấp nước; các công trình có hiệp định ký kết đối với đối tác nước ngoài; các công trình có văn bản thỏa thuận của nhà tài trợ thì thực hiện theo quy định của các quyết định, hiệp định ký kết hoặc thỏa thuận đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước

1. Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% các nội dung sau:

a) Rà soát, điều chỉnh lập mới quy hoạch cấp xã và vùng huyện; công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp, kinh phí quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới.

b) Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (các đối tượng hỗ trợ thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi bố trí từ kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện).

2. Hỗ trợ xây dựng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông nội đồng: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 55%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 45%.

3. Hỗ trợ hệ thống thủy lợi nội đồng (Kênh mương nội đồng)

Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ toàn bộ xi măng, ống cống, chi phí vận chuyển đến xã và hỗ trợ chi phí quản lý 2 triệu đồng/km. Ngân sách cấp huyện hỗ trợ tối thiểu 15% theo tổng dự toán công trình được duyệt cho tất cả các xã; phần còn lại là nguồn vốn xã, huy động từ nhân dân và các nguồn khác. Ngoài mức hỗ trợ trên, thì ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm:

a) Các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng chính phủ: 80 triệu đồng/km (mặt cắt kênh rộng 40cm trở lên; cao 30cm trở lên).

b) Các xã thuộc khu vực II vùng dân tộc thiểu số, miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ: 65 triệu đồng/km (mặt cắt kênh rộng 40cm trở lên; cao 30cm trở lên).

c) Các xã thuộc khu vực I vùng dân tộc thiểu số, miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ: 50 triệu đồng/km (mặt cắt kênh rộng 40cm trở lên; cao 30cm trở lên).

4. Hỗ trợ hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã: Thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Hỗ trợ công trình trường học: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 75%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 25%.

6. Hỗ trợ công trình trạm y tế xã: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 75%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 25%.

7. Hỗ trợ phát triển mạng lưới y tế cơ sở: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 75%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 25%.

8. Hỗ trợ trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 65%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 35%.

9. Hỗ trợ khu thể thao và nhà văn hóa thôn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 50%.

10. Hỗ trợ công trình cấp nước sinh hoạt: Ngân sách Trung ương, ngân sách

tỉnh hỗ trợ 80%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, vận động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 20%.

11. Hỗ trợ cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 60%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 40%.

12. Hỗ trợ cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 60%; ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 40%.

13. Hỗ trợ hệ thống lưới điện nông thôn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 80%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 20%.

14. Hỗ trợ cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (hoàn thiện, xây dựng hệ thống chợ); chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 70%.

15. Hỗ trợ hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 50%.

16. Hỗ trợ thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 60%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 40%.

17. Hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, cấp huyện, tỉnh, chứng nhận VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

18. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện theo quy định hiện hành.

19. Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ hợp tác xã: Thực hiện theo quy định hiện hành.

20. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn: Thực hiện theo quy định hiện hành.

21. Hỗ trợ tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP: Thực hiện theo quy định hiện hành.

22. Hỗ trợ đầu tư sửa chữa, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các

điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Thực hiện theo quy định hiện hành.

23. Hỗ trợ các công trình xử lý môi trường cấp xã, thôn, cải tạo nghĩa trang, cải tạo cảnh quan nông thôn, phát triển du lịch nông thôn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 40%; ngân sách cấp huyện; ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 60%.

24. Hỗ trợ đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 30%.

25. Hỗ trợ cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 75%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 25%.

26. Hỗ trợ xây dựng và duy trì các mô hình an ninh trật tự, hỗ trợ camera an ninh ở xã, thôn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 60%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân 40%.

27. Hỗ trợ nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%; ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: 50%.

28. Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; Hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề.

a) Đối với các huyện miền núi: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%; ngân sách cấp huyện, vận động các nguồn hợp pháp khác: 30%.

b) Đối với các huyện, thị xã, thành phố còn lại: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%; ngân sách cấp huyện, vận động các nguồn hợp pháp khác: 50%.

29. Hỗ trợ Chương trình OCOP (Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới): Thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Đối với ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh: Tỷ lệ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 3 là cơ sở phê duyệt cơ cấu nguồn vốn đối với từng công trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, số vốn phân bổ thực hiện đối với từng địa phương căn cứ vào tình hình thực tế, số vốn ngân sách Trung ương phân bổ cho tỉnh, khả năng cân đối của ngân sách tỉnh bố trí hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

nông thôn mới theo mục tiêu, kế hoạch hàng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định

2. Đối với các nội dung tại Điều 3 Quy định này, trong đó chỉ quy định chung tỷ lệ của ngân sách cấp huyện, ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân thì thực hiện theo nguyên tắc: căn cứ đặc điểm tình hình ở địa phương, UBND cấp huyện chỉ đạo triển khai thực hiện về cơ cấu nguồn vốn đối với từng công trình, dự án cụ thể phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của từng cấp, tình hình huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân trong tổng số tỷ lệ phải đảm bảo.

3. Đối với ngân sách xã, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác và đóng góp của nhân dân: Bao gồm ngân sách xã, huy động đóng góp của các doanh nghiệp, các nhà tài trợ, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và nhân dân sống trên địa bàn. Đối với đóng góp của nhân dân, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương. UBND xã xây dựng phương án vận động nguồn đóng góp cụ thể cho từng công trình, dự án để nhân dân bàn bạc thống nhất, HĐND xã thông qua. Đóng góp của người dân gồm: hiến quyền sử dụng đất, công lao động, vật tư, tiền, huy động phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển và các khoản đóng góp khác.

4. Đối với nguyên tắc, tiêu chí, định mức hệ số phân bổ vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh và các nội dung liên quan khác không được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg, ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành.

Điều 5. Tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Hàng năm ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện và xã) đối ứng tối thiểu gấp 1,5 lần tổng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, trong đó ngân sách tỉnh đảm bảo tối thiểu 15% ngân sách địa phương.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực được quyết toán theo chủ trương đầu tư đã có trước đó./.
